

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án;  
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 477/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây;

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Hoàng Văn T, tổ x, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.  
CCCD số 06408401xxxx, cấp ngày 28/4/2023.

2. Chị Trương Thị Thùy T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Hoàng Văn T, tổ x, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.  
CCCD số 06418400xxxx, cấp ngày 24/7/2023.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 đăng ký kết hôn ngày 09/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai số 114, quyển số 01/2010.

Nay hai vợ chồng thấy không thể đoàn tụ gia đình được, vì mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] **Về con chung:** Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 có 01 con chung là cháu Đỗ Trung A, sinh ngày 08/12/2012 (Nguyễn vọng sống với mẹ).

Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 thống nhất thỏa thuận giao cháu Đỗ Trung A cho chị Trương Thị Thùy T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Hai bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về tiền lệ phí:** Anh T và chị T1 tự nguyện chịu toàn bộ để sung quỹ Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**-Về hôn nhân:** Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

**-Về con chung:** Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 có 01 con chung là cháu Đỗ Trung A, sinh ngày 08/12/2012 (Nguyễn vọng sống với mẹ).

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao con Đỗ Trung A cho chị Trương Thị Thùy T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T1 không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

**-Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**-Về tiền lệ phí Tòa án:** Anh Đỗ Thành T và chị Trương Thị Thùy T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí là 300.000đ để sung vào quỹ Nhà nước; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ 300.000đ đã nộp theo Biên lai số: 0001600 ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh T và chị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Các đương sự;
- THADS TP. P (Đề thi hành);
- UBND phường Ia K, thành phố P (Giấy ĐKKH số 114, ngày 09/11/2010);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Văn Tiến**